

## CHƯƠNG 4 THỦ TỤC HẢI QUAN VÀ THUẬN LỢI HÓA THƯƠNG MẠI

### Điều 4.1 : Công bố

1. Mỗi Bên phải công bố, bao gồm cả công bố trên mạng thông tin điện tử, các luật, quy định, và thủ tục hành chính chung trong lĩnh vực hải quan, trong khả năng có thể, bằng tiếng Anh.
2. Mỗi Bên phải chỉ định hoặc duy trì một hoặc các đầu mối để giải đáp các câu hỏi của các đối tượng có quan tâm liên quan tới các vấn đề hải quan và phải công bố công khai các thông tin liên quan đến thủ tục giải đáp các câu hỏi đó trên mạng thông tin điện tử.
3. Trong khả năng có thể, mỗi Bên phải công bố trước bất kỳ các quy định về việc áp dụng chung đối với các vấn đề về hải quan mà Bên đó đề xuất thông qua và phải tạo cơ hội cho các đối tượng có quan tâm được tham gia ý kiến trước khi thông qua các quy định đó.

### Điều 4.2 : Giải phóng hàng

1. Nhằm tạo thuận lợi thương mại song phương, mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì thủ tục hải quan được đơn giản hóa nhằm tạo thuận lợi cho việc giải phóng hàng.
2. Theo đoạn 1, mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì thủ tục:
  - (a) quy định hàng được giải phóng trong khoảng thời gian không quá khoảng thời gian cần thiết để đảm bảo tuân thủ luật và quy định hải quan trong nước;
  - (b) quy định việc nộp và xử lý thông tin hải quan điện tử trước khi hàng đến nhằm giúp hàng được giải phóng khi đến;
  - (c) cho phép hàng hóa được giải phóng tại nơi hàng đến, không tạm thời chuyển lưu kho hoặc chuyển tới các địa điểm khác; và
  - (d) cho phép nhà nhập khẩu được lấy hàng trước khi có quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về thuế hải quan, phí và nghĩa vụ hải quan khi những khoản này chưa thể được xác định trước hoặc ngay khi hàng đến, với điều kiện hàng hóa đáp ứng các điều kiện khác liên quan.<sup>1</sup>

### Điều 4.3 : Tự động hóa

Trong khả năng có thể, mỗi Bên phải sử dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy nhanh thủ tục giải phóng hàng và phải:

---

<sup>1</sup> Một Bên có thể yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp bảo lãnh dưới dạng tài khoản đảm bảo, đặt cọc, hoặc các hình thức phù hợp khác mà các khoản này đủ để thanh toán các khoản thuế hải quan, thuế khác và phí liên quan tới việc nhập khẩu hàng hóa.

- (a) cung cấp hệ thống điện tử cho người khai hải quan sử dụng;
- (b) nỗ lực sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế;
- (c) nỗ lực phát triển các hệ thống điện tử tương thích với các hệ thống của Bên kia nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi song phương về dữ liệu thương mại quốc tế; và
- (d) nỗ lực xây dựng bộ các yếu tố dữ liệu chung và xử lý phù hợp với mô hình dữ liệu Hải quan của Tổ chức hải quan thế giới (sau đây gọi tắt là “WCO”) và những khuyến cáo, hướng dẫn của WCO.

#### **Điều 4.4 : Quản lý rủi ro**

Mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì hệ thống quản lý rủi ro tự động hoặc điện tử để đánh giá và xác định trọng điểm nhằm giúp các Bên tập trung các hoạt động kiểm tra vào các hàng hóa có rủi ro cao và đơn giản hóa việc thông quan và luân chuyển hàng hóa có rủi ro thấp.

#### **Điều 4.5 : Hợp tác**

Trong phạm vi có thể, các Bên cam kết tạo thuận lợi cho sự luân chuyển hàng hóa chính đáng và phải trao đổi kinh nghiệm về các biện pháp nhằm cải thiện nghiệp vụ và thủ tục hải quan liên quan đến hệ thống điện tử hóa, và những vấn đề khác mà các Bên cùng thống nhất.

#### **Điều 4.6: Bảo mật thông tin**

1. Một Bên phải duy trì việc bảo mật thông tin do Bên kia cung cấp liên quan đến Chương này và Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ), và đảm bảo không tiết lộ thông tin mà việc tiết lộ thông tin này ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của người cung cấp thông tin. Mọi vi phạm về bảo mật thông tin phải được các Bên xử lý phù hợp với luật và quy định trong nước của mỗi Bên.

2. Thông tin được nêu tại đoạn 1 không được phép công bố nếu không được sự cho phép cụ thể của người hoặc Chính phủ cung cấp thông tin đó ngoại trừ trong trường hợp có thể được yêu cầu công bố trong thủ tục tố tụng hành chính hoặc thủ tục khiếu nại theo đó.

#### **Điều 4.7: Hàng chuyển phát nhanh**

Mỗi Bên phải áp dụng và duy trì thủ tục hải quan nhanh chóng cho hàng chuyển phát nhanh, không xét đến trọng lượng hoặc trị giá hải quan mà vẫn duy trì sự kiểm soát và chọn lựa thích hợp của hải quan. Những thủ tục này phải:

- (a) quy định thủ tục hải quan riêng và nhanh chóng cho hàng hóa chuyển phát nhanh;

- (b) quy định các thông tin cần thiết để giải phóng một lô hàng chuyển phát nhanh được nộp tờ khai và xử lý thông tin điện tử trước khi hàng đến;
- (c) cho phép nộp bản lược khai hàng hóa đơn cho tất cả các hàng hóa trong lô hàng chuyển phát nhanh bằng phương thức điện tử nếu có thể;
- (d) trong phạm vi có thể, quy định hàng hóa cụ thể được thông quan, với số lượng chứng từ tối thiểu; và
- (e) trong những tình huống thông thường, quy định không thu thuế hoặc phí hải quan hoặc yêu cầu chứng từ đối với hàng hóa chuyển phát nhanh có trị giá không vượt quá ngưỡng miễn thuế theo luật pháp và quy định của các Bên.<sup>2</sup>

#### **Điều 4.8 : Rà soát và khiếu nại**

Đối với việc quyết định các vấn đề về hải quan, mỗi Bên phải đảm bảo rằng, nhà nhập khẩu trong lãnh thổ của mình được tiếp cận:

- (a) cấp rà soát hành chính độc lập đối với cơ quan hoặc nhân viên đưa ra quyết định<sup>3</sup>, và
- (b) rà soát pháp lý đối với quyết định.

Để chắc chắn hơn, mỗi Bên phải cho phép nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất cung cấp thông tin trực tiếp cho Bên đang tiến hành rà soát và yêu cầu Bên nhận được thông tin phải giữ thông tin dưới dạng mật như quy định tại Điều 4.6.

#### **Điều 4.9 : Xử phạt**

Mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì các biện pháp cho phép cơ quan Hải quan của một Bên áp dụng hình phạt đối với các vi phạm luật, quy định hải quan và yêu cầu thủ tục trong nước bao gồm các luật và quy định quản lý việc phân loại thuế quan, trị giá hải quan, xuất xứ, và các khiếu nại về ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này.

#### **Điều 4.10 : Xác định trước**

1. Mỗi Bên, thông qua cơ quan hải quan của mình phải cấp, trước khi hàng nhập khẩu vào lãnh thổ của mình, phán quyết trước xuất xứ bằng văn bản dựa trên yêu cầu bằng văn bản của người nhập khẩu tại nước đó, hoặc nhà xuất khẩu hay nhà sản xuất trên lãnh thổ của Bên kia<sup>4</sup> về:

<sup>2</sup> Mặc dù có quy định tại Khoản này, một Bên có thể yêu cầu vận đơn hàng không hoặc vận đơn khác gửi kèm hàng chuyển phát nhanh. Để đảm bảo, đối với hàng hóa bị hạn chế, một Bên có thể tính thuế hải quan hoặc thuế khác, và yêu cầu tài liệu nhập khẩu chính thức.

<sup>3</sup> Đối với Hàn Quốc, rà soát hành chính theo Đoạn này có thể bao gồm rà soát của Tòa án thuế Hàn Quốc

<sup>4</sup> Để chắc chắn hơn, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có thể thông qua đại diện hợp pháp để nộp

- (a) việc phân loại mã số hàng hóa;
- (b) việc áp dụng các tiêu chí xác định trị giá hải quan cho trường hợp cụ thể, phù hợp với Hiệp định trị giá hải quan;
- (c) nguồn gốc xuất xứ hàng hóa; và
- (d) những vấn đề khác mà các Bên có thể đồng ý.

2. Mỗi Bên, thông qua cơ quan hải quan, phải ban hành thông báo xác định trước xuất xứ trong vòng 90 ngày sau ngày nhận được đề nghị với điều kiện người nộp đơn đã cung cấp toàn bộ thông tin liên quan theo quy định của Bên yêu cầu, bao gồm hàng mẫu, nếu được yêu cầu. Trong quá trình ban hành thông báo xác định trước, Bên cấp phải xem xét các yếu tố thực tế và tình huống mà người xin cấp đề nghị. Nếu các yếu tố và hoàn cảnh để xem xét đưa ra xác định trước có liên quan đến việc rà soát pháp lý hoặc hành chính, thì Bên nhận được đề nghị có thể từ chối việc đưa ra xác định trước. Bên nhận được yêu cầu, theo quy định của Khoản này, khi từ chối ban hành xác định trước phải kịp thời thông báo bằng văn bản tới người xin cấp nêu rõ lý do từ chối.

3. Mỗi Bên phải quy định xác định trước phải có hiệu lực vào ngày ban hành, hoặc ngày khác được nêu rõ trong thông báo, với điều kiện rằng các yếu tố và tình huống thực tế liên quan đến xác định trước không thay đổi.

4. Cơ quan cấp có thể sửa đổi hoặc thu hồi xác định trước trong trường hợp:

- (a) kết quả xác định trước dựa trên lỗi thực tế hoặc luật (kể cả lỗi do con người);
- (b) thông tin được cung cấp không chính xác hoặc sai sự thật;
- (c) có sự thay đổi luật trong nước phù hợp với Hiệp định; hoặc
- (d) có sự thay đổi về thực tế hoặc tình huống mà xác định trước đó.

5. Cơ quan ban hành có thể sửa đổi hoặc thu hồi một xác định trước chỉ khi quy định được căn cứ vào thông tin không đúng hoặc thiếu chính xác do người nộp đơn cung cấp.

6. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng người nộp đơn được tiếp cận thủ tục rà soát hành chính về xác định trước.

7. Theo yêu cầu của luật của mình về bảo mật thông tin, mỗi Bên phải công bố xác định trước, cả trên mạng thông tin điện tử.

#### **Điều 4.11 : Tham vấn**

1. Cơ quan hải quan của mỗi Bên có thể yêu cầu tham vấn với cơ quan hải quan Bên kia

---

đơn đề nghị được ban hành Phán quyết trước.

đối với bất kể vấn đề phát sinh nào trong quá trình thực hiện hoặc triển khai của Chương này và Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ). Việc tham vấn phải được thực hiện thông qua đầu mối liên lạc phù hợp.

2. Trong trường hợp các bên không giải quyết được vướng mắc thông qua tham vấn, Bên yêu cầu có thể đưa vấn đề lên Ủy ban Hải quan như được nêu tại Điều 4.12.

#### **Điều 4.12 : Ủy ban Hải quan**

1. Các Bên sau đây phải thiết lập Ủy ban Hải quan gồm cơ quan hải quan của các Bên. Cơ quan có thẩm quyền của các Bên có thể tham gia vào Ủy ban Hải quan nếu các Bên xét thấy cần thiết.

2. Ủy ban Hải quan phải đảm bảo thống nhất thực hiện Chương này và Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ) và xử lý các vấn đề phát sinh khi áp dụng các Chương này.

3. Chức năng của Ủy ban phải bao gồm:

- (a) giám sát và thực hiện Chương này và Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ);
- (b) ban hành các hướng dẫn chung để giải thích phù hợp, thống nhất và hiệu quả Chương này và Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ);
- (c) sửa đổi Phụ lục 3-A (Quy tắc cụ thể mặt hàng) khi chuyển đổi mã số hàng hóa HS;
- (d) khi cần thiết, tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề về phân loại mã số, trị giá hải quan, xác định giá trị hàm lượng khu vực và những vấn đề hải quan khác có ảnh hưởng đến thuận lợi hóa thương mại giữa các Bên trong quá trình thực hiện Chương này và Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ); và
- (e) rà soát bản sửa đổi và đạt sự đồng thuận đối với bản sửa đổi của Chương này và Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và Quy trình cấp xuất xứ).

4. Ủy ban phải họp luân phiên hàng năm, hoặc do các Bên thống nhất.